

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Phùng Tiến Toàn	Thành viên
Ông Đỗ Dương Quy	Thành viên
Ông Vũ Quang Anh	Thành viên
Ông Dương Đức Tính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Lưu Việt Bắc	Thành viên
Bà Phùng Ngọc Dung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Vĩnh Hùng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 033103/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.754.951.198.986	1.525.400.971.207
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.061.890.458.592	669.895.487.350
1. Tiền	111		82.358.259.159	84.895.487.350
2. Các khoản tương đương tiền	112		979.532.199.433	585.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		154.167.835.382	404.641.378.102
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.332.500	5.332.500
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.8a	154.162.502.882	404.636.045.602
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		524.117.632.508	433.880.291.022
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	247.654.487.828	214.715.655.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.498.726.353	6.436.840.617
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		61.200.000.000	27.800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	207.409.445.194	185.498.172.888
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(645.026.867)	(570.378.025)
IV. Hàng tồn kho	140		2.132.530.058	1.779.423.096
1. Hàng tồn kho	141		2.132.530.058	1.779.423.096
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.642.742.446	15.204.391.637
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.466.125.689	5.416.570.111
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.221.394.398	5.696.290.131
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	955.222.359	4.091.531.395
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.371.601.687.526	1.414.940.530.613
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		96.339.015.000	89.420.231.860
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	96.339.015.000	89.420.231.860
II. Tài sản cố định	220		554.868.296.294	636.197.326.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	549.860.156.084	628.562.634.975
- Nguyên giá	222		1.216.417.638.929	1.215.631.850.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(666.557.482.845)	(587.069.215.134)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	5.008.140.210	7.634.691.948
- Nguyên giá	228		19.632.515.844	19.632.515.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.624.375.634)	(11.997.823.896)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		188.656.678.475	161.451.997.250
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	188.656.678.475	161.451.997.250
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		349.853.647.289	320.638.623.518
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.8b	302.356.207.289	280.548.623.518
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8c	47.497.440.000	40.090.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		181.884.050.468	207.232.351.062
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		79.522.936.545	82.310.430.926
2. Lợi thế thương mại	269	V.7	102.361.113.923	124.921.920.136
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.126.552.886.512	2.940.341.501.820

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		321.833.409.176	279.969.455.380
I. Nợ ngắn hạn	310		305.486.868.235	266.580.196.075
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	84.518.368.193	78.785.915.376
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		444.057.705	635.267.479
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	61.721.805.559	33.494.515.747
4. Phải trả người lao động	314		85.167.314.776	61.807.199.958
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		46.763.849.097	13.898.708.271
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		869.963.583	796.908.297
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		10.997.723.868	64.982.280.126
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	67.083.315
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.003.785.454	12.112.317.506
II. Nợ dài hạn	330		16.346.540.941	13.389.259.305
1. Phải trả dài hạn khác	337		16.346.540.941	13.389.259.305
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.804.719.477.336	2.660.372.046.440
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	2.804.719.477.336	2.660.372.046.440
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.102.723.680.000	1.102.723.680.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		164.537.981.018	164.537.981.018
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		219.527.000.000	219.527.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.617.064.303	11.617.064.303
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.656.422.563	1.656.422.563
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		645.279.506.481	551.017.191.685
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		373.696.277.811	331.914.219.157
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		271.583.228.670	219.102.972.528
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		659.377.822.971	609.292.706.871
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.126.552.886.512	2.940.341.501.820


Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu


Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng


Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2025





CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 02 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.717.500.998.164	1.360.295.343.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.717.500.998.164	1.360.295.343.186
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	960.601.080.080	781.175.235.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		756.899.918.084	579.120.107.567
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.292.376.056	51.906.283.732
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	143.992.970	184.149.769
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.475.330	147.019.035
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		16.407.583.771	21.543.444.278
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	14.225.110.203	17.113.269.545
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	202.237.672.442	175.425.802.037
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		593.993.102.296	459.846.614.226
12. Thu nhập khác	31		2.199.203.098	2.467.071.859
13. Chi phí khác	32		7.382.000.143	5.905.601.432
14. Lợi nhuận khác	40		(5.182.797.045)	(3.438.529.573)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		588.810.305.251	456.408.084.653
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	65.633.944.175	51.389.546.012
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		523.176.361.076	405.018.538.641
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		271.583.228.670	219.102.972.528
- Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		251.593.132.406	185.915.566.113
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	2.435	1.964
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	2.435	1.964



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	588.810.305.251	456.408.084.653
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	110.776.929.500	90.350.820.709
Các khoản dự phòng	03	74.648.842	444.743.869
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(705.243.721)	23.634.240
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(54.399.517.378)	(48.680.135.542)
Chi phí lãi vay	06	2.475.330	147.019.035
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	644.559.597.824	498.694.166.964
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(50.577.285.003)	(197.074.994.894)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(353.106.962)	30.935.186.548
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(353.064.276)	43.055.013.055
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.737.938.803	837.255.548
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	744.600
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.475.330)	(147.019.035)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.605.020.968)	(37.269.660.310)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(13.783.580.232)	(17.276.839.183)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	540.623.003.856	321.753.853.293
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(35.972.050.394)	(55.694.743.760)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.377.617.274	451.300.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(213.587.502.882)	(254.626.792.533)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	430.661.045.602	223.903.299.467
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(12.807.440.000)	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.635.889.380	45.657.519.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	211.307.558.980	(40.309.417.399)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.083.315)	(161.000.004)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(360.573.752.000)	(118.330.845.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(360.640.835.315)	(118.491.845.384)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	391.289.727.521	162.952.590.510
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	669.895.487.350	506.966.531.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	705.243.721	(23.634.240)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.061.890.458.592	669.895.487.350



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (tên cũ là Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Hàng không, tên giao dịch quốc tế là Aviation Logistics Joint Stock Company, tên viết tắt là ALS) (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102355611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2007. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 26 tháng 11 năm 2024.

Công ty có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.102.723.680.000 đồng (*Một nghìn một trăm lẻ hai tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Dịch vụ vận tải mặt đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải; Chi tiết Dịch vụ làm thủ tục Hải quan; Dịch vụ kiểm tra cân hàng; Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển (đóng gói bao bì, giao nhận tại nhà, dịch vụ vận chuyển mặt đất); Dịch vụ nhận, gửi, chuyển phát hàng hóa; Đại lý vận tải Dịch vụ Logistics;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải Hàng không; Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chi tiết: Hoạt động kho bãi (dịch vụ đại lý kho vận, dịch vụ kho ngoại quan);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Chi tiết: Hoạt động của bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; và
- Giáo dục nghề nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Công ty con:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại KCN Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
2	Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại KCN VSIP Bắc Ninh và khu vực phía Đông Hà Nội.
3	Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Hà Nội	50,05%	Vận hành trực tiếp Nhà ga hàng hoá ALS.
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Hà Nội	100,00%	Cung cấp các dịch vụ trọng yếu như phục vụ hàng hóa hàng không; kho vận; phục vụ hàng hóa hàng không tại kho hàng không kéo dài.
5	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Hà Nội	100,00%	Thực hiện các hoạt động đầu tư, cung cấp các giải pháp, cơ sở hạ tầng Logistics tại Việt Nam.
6	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Bắc Ninh	51,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại Bắc Ninh.
7	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Bắc Ninh	50,10%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
8	Công ty TNHH Giải pháp TNG	Hà Nội	100,00%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Hà Nội	27,00%	Vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng.
2	Công ty Cổ phần ALS SDS	Hà Nội	48,00%	Dịch vụ Logistics giao nhận, vận tải.
3	Công ty Cổ phần Logistics ALAC	Hà Nội	45,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.114 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.063 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện, vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm máy tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm xe ô tô,... và tiền thuê đất được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	16.649.227.085	14.146.421.472
Tiền gửi ngân hàng	65.709.032.074	70.749.065.878
Các khoản tương đương tiền	979.532.199.433	585.000.000.000
Cộng	1.061.890.458.592	669.895.487.350

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Samsung SDS GSCL Việt Nam	15.615.346.772	17.124.087.264
Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL (Việt Nam)	24.566.284.525	18.802.829.586
Công ty Cổ phần ALS SDS	9.144.445.471	11.821.198.983
Korean Air	12.800.431.836	10.416.205.692
Công ty TNHH Samsung SDS Việt Nam	5.147.343.444	4.441.905.401
Các khách hàng khác	180.380.635.780	152.109.428.616
Cộng	247.654.487.828	214.715.655.542
Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	10.298.900.850	12.419.440.280

3. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	95.622.526.697	83.247.687.126
Ký cược, ký quỹ	323.394.600	337.237.800
Phải thu lãi dự thu tiền gửi, tiền cho vay	1.393.417.237	4.534.713.773
Phải thu khác	110.070.106.660	97.378.534.189
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu về hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	41.294.261.573	33.646.495.000
- Phải thu ngắn hạn khác	68.775.845.087	63.732.039.189
Cộng	207.409.445.194	185.498.172.888
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	1.393.204.000	981.400.000
Phải thu dài hạn khác	5.000.000	1.519.883.260
Ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	94.940.811.000	86.918.948.600
Cộng	96.339.015.000	89.420.231.860
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	41.294.261.573	33.646.495.000

(*) Ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp Ngô Quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	697.397.311.448	242.699.663.264	199.430.847.602	58.217.515.858	17.886.511.937	1.215.631.850.109
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.110.870.344	1.064.147.403	1.726.725.378	455.253.500	722.543.000	5.079.539.625
Mua trong năm	74.090.000	464.901.182	2.839.443.636	309.394.726	-	3.687.829.544
Thanh lý tài sản cố định	-	(1.611.811.410)	(5.731.508.353)	(443.770.500)	(194.490.086)	(7.981.580.349)
Số dư cuối năm	698.582.271.792	242.616.900.439	198.265.508.263	58.538.393.584	18.414.564.851	1.216.417.638.929
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	248.181.836.533	146.851.376.685	136.172.883.778	44.598.038.781	11.265.079.357	587.069.215.134
Khấu hao trong năm	39.261.846.320	23.660.505.211	15.601.639.048	5.991.147.070	1.074.433.900	85.589.571.549
Thanh lý tài sản cố định	-	(692.521.319)	(4.802.240.191)	(412.052.242)	(194.490.086)	(6.101.303.838)
Số dư cuối năm	287.443.682.853	169.819.360.577	146.972.282.635	50.177.133.609	12.145.023.171	666.557.482.845
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	449.215.474.915	95.848.286.579	63.257.963.824	13.619.477.077	6.621.432.580	628.562.634.975
Tại ngày cuối năm	411.138.588.939	72.797.539.862	51.293.225.628	8.361.259.975	6.269.541.680	549.860.156.084

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 152.181.411.180 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 132.478.839.825 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	19.632.515.844	19.632.515.844
Số dư cuối năm	19.632.515.844	19.632.515.844
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	11.997.823.896	11.997.823.896
Khấu hao trong năm	2.626.551.738	2.626.551.738
Số dư cuối năm	14.624.375.634	14.624.375.634
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	7.634.691.948	7.634.691.948
Tại ngày cuối năm	5.008.140.210	5.008.140.210

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.402.377.332 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.344.939.980 đồng).

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản		
Xây dựng ga hàng hóa tại Nội Bài- Dự án 2	92.645.363.390	92.356.498.646
Dự án Cụm công nghiệp Ngô Quyền	6.068.340.752	4.538.425.971
Dự án Khu kinh doanh thương mại tổng hợp, kho, bãi tập kết, sang chuyển hàng hóa và các dịch vụ Logistics	51.181.942.720	48.543.178.574
Dự án 4.3 ha	529.086.342	529.086.342
Dự án Đầu tư Xây dựng Cảng cạn (ICD) và Dịch vụ Hỗ trợ (Logistics) tại TX Mỹ Hào và huyện Văn Lâm, Hưng Yên	8.341.348.485	8.341.348.485
Dự án Khu dịch vụ soi chiếu an ninh hàng không	17.221.168.276	-
Dự án khác	12.669.428.510	7.143.459.232
Cộng	188.656.678.475	161.451.997.250

7. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty CP Tiếp vận Thế kỷ	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Công ty TNHH Giải pháp TNG	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	200.612.011.061	19.899.044.112	5.097.006.960	225.608.062.133
Số dư cuối năm	200.612.011.061	19.899.044.112	5.097.006.960	225.608.062.133
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	95.290.705.254	5.140.586.395	254.850.348	100.686.141.997
Phân bổ trong năm	20.061.201.106	1.989.904.411	509.700.696	22.560.806.213
Số dư cuối năm	115.351.906.360	7.130.490.806	764.551.044	123.246.948.210
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	105.321.305.807	14.758.457.717	4.842.156.612	124.921.920.136
Tại ngày cuối năm	85.260.104.701	12.768.553.306	4.332.455.916	102.361.113.923

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 1 năm	154.162.502.882	154.162.502.882	404.636.045.602	404.636.045.602
Cộng	154.162.502.882	154.162.502.882	404.636.045.602	404.636.045.602

b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần theo PP VCSH	Giá gốc	Giá trị thuần theo PP VCSH
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	97.200.000.000	80.865.112.210	97.200.000.000	77.195.967.464
Công ty Cổ phần ALS SDS	7.105.000.000	216.039.850.804	7.105.000.000	202.002.656.054
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	6.750.000.000	5.451.244.275	1.350.000.000	1.350.000.000
Cộng	111.055.000.000	302.356.207.289	105.655.000.000	280.548.623.518

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	4.444.466	47.497.440.000	81.333.727.800	-	3.703.722	40.090.000.000	83.704.117.200	-
Cộng		47.497.440.000	81.333.727.800	-		40.090.000.000	83.704.117.200	-

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	9.864.946.800	9.864.946.800	12.466.269.225	12.466.269.225
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG - Chi nhánh Bắc Ninh	-	-	8.039.868.840	8.039.868.840
Công ty TNHH Hà Sơn	10.381.733.219	10.381.733.219	10.381.733.219	10.381.733.219
Các đối tượng khác	64.271.688.174	64.271.688.174	47.898.044.092	47.898.044.092
Cộng	84.518.368.193	84.518.368.193	78.785.915.376	78.785.915.376
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	1.155.471.960	1.155.471.960	1.096.117.364	1.096.117.364

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	297.265.694	3.000.000	294.265.694
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.492.000	-	1.492.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	459.695.787	8.119.020.740	8.512.515.467	66.201.060
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	494.034.572	3.641.222.482	404.192.413	3.731.064.641
Cộng	955.222.359	12.057.508.916	8.921.199.880	4.091.531.395
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	2.655.840.443	52.536.821.741	53.527.173.029	3.646.191.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.537.546.433	66.161.770.213	41.603.528.968	28.979.305.188
Thuế thu nhập cá nhân	5.528.418.683	18.443.687.925	13.784.288.070	869.018.828
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	762.718.396	762.718.396	-
Cộng	61.721.805.559	137.904.998.275	109.677.708.463	33.494.515.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	1.002.476.860.000	164.537.981.018	219.527.000.000	11.617.064.303	1.656.422.563	494.613.142.126	597.230.595.136	2.491.659.065.146
Tăng vốn trong năm	100.246.820.000	-	-	-	-	(100.246.820.000)	-	-
+ Tăng vốn bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Tăng vốn bằng cổ phiếu	100.246.820.000	-	-	-	-	(100.246.820.000)	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	219.102.972.528	185.915.566.113	405.018.538.641
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(50.123.843.000)	(167.352.250.000)	(217.476.093.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(2.919.805.433)	-	(2.919.805.433)
Phân phối tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(9.408.454.536)	(6.501.204.378)	(15.909.658.914)
Tại ngày đầu năm nay	1.102.723.680.000	164.537.981.018	219.527.000.000	11.617.064.303	1.656.422.563	551.017.191.685	609.292.706.871	2.660.372.046.440
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	271.583.228.670	251.593.132.406	523.176.361.076
Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(165.408.552.000)	(195.165.200.000)	(360.573.752.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(2.500.000.000)	-	(2.500.000.000)
Phân phối tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(9.412.361.874)	(6.342.816.306)	(15.755.178.180)
Tại ngày cuối năm nay	1.102.723.680.000	164.537.981.018	219.527.000.000	11.617.064.303	1.656.422.563	645.279.506.481	659.377.822.971	2.804.719.477.336

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 21/06/2024.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	110.194.010.000	110.194.010.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	61.616.320.000	61.616.320.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	61.607.230.000	61.607.230.000
Các cổ đông khác	869.306.120.000	869.306.120.000
Cộng	1.102.723.680.000	1.102.723.680.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.272.368	110.272.368
- Cổ phiếu phổ thông	110.272.368	110.272.368
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.272.368	110.272.368
- Cổ phiếu phổ thông	110.272.368	110.272.368
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.717.500.998.164	1.360.295.343.186
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.717.500.998.164	1.360.295.343.186
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.717.500.998.164	1.360.295.343.186
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan	66.696.531.045	72.372.573.475
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	960.601.080.080	781.175.235.619
Cộng	960.601.080.080	781.175.235.619

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.494.592.844	48.624.208.607
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	797.473.583	46.408.405
Doanh thu hoạt động tài chính khác	309.629	3.235.666.720
Cộng	37.292.376.056	51.906.283.732

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	2.475.330	147.019.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	77.090.456	-
Chi phí tài chính khác	64.427.184	37.130.734
Cộng	143.992.970	184.149.769

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí bán hàng khác	14.225.110.203	17.113.269.545
Cộng	14.225.110.203	17.113.269.545
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.054.780.621	1.365.048.983
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.919.815.716	1.800.242.727
Chi phí nhân viên quản lý	113.259.215.043	90.742.673.470
Chi phí khấu hao TSCĐ và hao mòn lợi thế thương mại	30.398.365.344	27.840.095.364
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	74.648.842	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.873.537.429	34.773.293.496
Chi phí bằng tiền khác	19.657.309.447	18.904.447.997
Cộng	202.237.672.442	175.425.802.037

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.669.764.833	3.238.689.600
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	63.964.179.342	48.150.856.412
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	65.633.944.175	51.389.546.012

7. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/ Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	271.583.228.670	219.102.972.528
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(3.098.808.126)	(2.500.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	268.484.420.544	216.602.972.528
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	110.272.368	110.272.368
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.435	1.964

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 21/06/2024.

Trong năm căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 21/06/2024 thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và trả cổ tức bằng cổ phiếu như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**

	Số báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	219.102.972.528	-	219.102.972.528
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(2.287.839.600)	(212.160.400)	(2.500.000.000)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	216.815.132.928	(212.160.400)	216.602.972.528
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	110.272.368		110.272.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.966		1.964

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài

Cổ đông lớn

Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam

Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần ALS SDS

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Logistics ALAC

Công ty liên kết

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Bán hàng	66.696.531.045	72.372.573.475
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	6.401.504.137	6.249.879.741
Công ty Cổ phần ALS SDS	59.727.527.377	66.122.693.734
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	213.064.543	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	354.434.988	
b. Mua hàng	7.037.270.299	11.627.601.896
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	4.633.792.754	8.988.007.213
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	2.403.477.545	2.639.594.683
c. Góp vốn bằng tiền	5.400.000.000	1.350.000.000
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	5.400.000.000	1.350.000.000
c. Cho vay	43.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	43.300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	10.298.900.850	12.419.440.280
Công ty Cổ phần ALS SDS	9.643.219.116	11.821.198.983
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	65.698.826	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	589.982.908	598.241.297
Phải thu tiền cho vay	43.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	43.300.000.000	-
Phải trả người bán	1.155.471.960	1.096.117.364
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	814.004.898	867.136.255
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	341.467.062	228.981.109
Phải thu khác	41.294.261.573	33.646.495.000
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế	41.294.261.573	33.646.495.000
Phải trả khác	82.726.350	82.726.350
Công ty cổ phần ALS SDS	82.726.350	82.726.350
Chi phí phải trả	-	95.081.672
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	-	95.081.672

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.920.000.000	1.771.539.264
Cộng	1.920.000.000	1.771.539.264

2. THÔNG TIN BỘ PHẬN**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là dịch vụ logistics. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.


Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu


Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng


Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

